

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2019

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Môn

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:

Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thị P, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Đ kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do sống không hợp nhau nên chị P và anh Đ sống ly thân 01 năm, đến năm 2016 vợ chồng anh chị được gia đình hai bên giải hòa nên về chung

sống lại với nhau được 03 năm nhưng sau đó tiếp tục mâu thuẫn, vợ chồng tiếp tục sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Thị Cẩm N, giới tính: nữ, sinh ngày 13/12/2014, từ khi ly thân đến nay chị P là người trực tiếp nuôi con, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ ai.

Tại bản tự khai đề ngày 13/3/2019 bị đơn anh Huỳnh Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị P về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, thời điểm vợ chồng sống ly thân. Nay chị P yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất lời trình bày của chị P về con chung, anh đồng ý giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị P và anh Huỳnh Văn Đ; về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Cẩm N, sinh ngày 13/12/2014 cho chị P nuôi dưỡng; về cấp dưỡng do không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Huỳnh Văn Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của anh Đ không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Chị P và anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị P và anh Đ phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do anh chị bất đồng ý kiến, cự cãi nhau, có một thời gian sống ly thân, sau đó được gia đình hàn gắn về sống chung nhưng không được hạnh phúc và tiếp tục sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân giữa chị P và anh Đ không thể hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị P yêu cầu ly hôn được anh Đ đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 (*Thuận tình ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị P với anh Đ.

[4] *Về con chung:* Chị P và anh Đ xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Huỳnh Thị Cẩm N, giới tính: nữ, sinh ngày 13/12/2014, từ khi ly thân đến nay chị P là người trực tiếp nuôi con, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy anh Đ đồng ý giao con cho chị P nuôi, mặc khác từ khi ly thân đến nay chị P là người trực tiếp nuôi con vẫn đảm bảo cuộc sống của con, chính quyền địa phương có xác nhận chị P có điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 (*quy định về việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu Huỳnh Thị Cẩm N, giới tính: nữ, sinh ngày 13/12/2014 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị P không yêu cầu nên không xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị P, anh Đ xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung. Anh, chị không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị P chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 55, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị P với anh Huỳnh Văn Đ.

2 - Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Cẩm N, giới tính: nữ, sinh ngày 13/12/2014 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng (cháu N đang chung sống với chị P). Anh Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3 - Về tài sản chung và nợ chung: Chị P, anh Đ xác định không có tài sản chung và không có nợ chung. Anh, chị không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4 - Án phí sơ thẩm: Chị Thị P chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000007 ngày 01/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5 - Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/4/2019). Bị đơn anh Huỳnh Văn Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Tân Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng